

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+TD5+RP3	7:25	20+2+0	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
2		TTC2+P11+C10	7:25	3+6+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
3		BK14+CTK3+P10	7:25	2+4+16	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
4		TTC1+P2	7:25	8+14	0+0		0+20	0+0	
5		P9+BK3+P1	9:25	16+6+0	0+0+0		9+4+9	0+0+0	
6		TD1+C10+P7	9:25	18+3+0	0+0+0		10+8+4	0+0+0	
7		P5-BK5+BK4	9:25	3+11+6	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
8		HSD+BK15+P9	9:25	2+6+14	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
9		TD2	11:00	19	0		19	0	CHECK-IN 9H45
10		P9+PVD2	11:25	22+0	0+0		17+3	0+0	
11		P10+BK6+TTC2	11:25	22+0+0	0+0+0		10+9+3	0+0+0	
12		BK10+VSP01+RP2	11:25	10+8+1	0+0+0		6+9+3	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐI VE TRONG NGÀY TTC2-3 NG.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/12/2020	TO: P2 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - XTrường - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

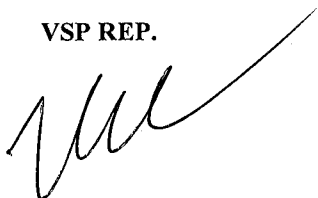
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨCQUANG	P2	63	1	3		75	KHI	Vietnamese
2	PHÙNG VĂN CHÍNH	P2	29	1	5		80	KHI	Vietnamese
3	HOANG NGOC ANH CHIEN	P2	67	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PARSHIN	P2	27-28	2	19		88	KH-THAC	Russian
5	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	P2	35	1	6	15	69	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	P2	38	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P2	34	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN CUONG	P2	37	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ CÔNG ANH	P2	33	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI HAO	P2					78	KH-THAC	Vietnamese
11	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠ GIA SƠN	P2	31	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	64	1	12	62	80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	26	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO HỮU NGUYỄN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THIÊN NAM	P2	68	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI HOANG TÂM	P2	30	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	65	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO VĂN HỘI	P2	32	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỰC	TD5	38	1	8	20	80	KHOAN	Vietnamese
22	LƯU ĐÌNH MINH	TD5	39-40	2	20	6	63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	19	119	1.443	77	6		
2	TD5	2	3	28	143	26	4		
3	RP3	0	0	0	0	30	12		
TOTAL		22	22	147	1.586	133	22		
WEIGHT KG				147	1.586	133			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

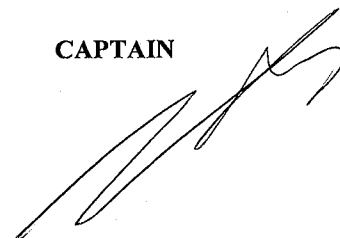
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	TO: TTC2 - P11 - CLO	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO TRUNG KIẾN	TTC2	54	1	3		66	PHONG CH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC DUNG	TTC2	52	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
3	NOVIKOV	TTC2	53	1	3		95	D-HANH	Russian
4	NG. DUY HA	P11	07-08	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	06	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG HIẾU	P11	05	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ QUỐC VƯƠNG	P11	09	1	8	20	76	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG THAI TÀI	P11	12	1	11	35	73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾN	P11	04	1	3		71	PSV	Vietnamese
10	DATSKO PAVEL	CLO	10	1	9		107	KHOAN	Russian
11	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	13	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	04	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	01	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	06	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH NGỌC BÌNH*PK-PVD	CLO	11	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HỮU SƠN	CLO	02	1	5	50	67	KHOAN	Vietnamese
17	NG. CHIẾN THẮNG*PK-PVD	CLO	03	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	08-09	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TAM	CLO	12	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	14	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG CÔNG THỊNH	CLO	07	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
22	CAO VĂN VIỆT	CLO	05	1	4		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	3	3	9	233	0	0		
2	P11	6	7	47	416	55	5		
3	CLO	13	14	96	964	50	17		
TOTAL		22	24	152	1.613	105	22		
WEIGHT KG				152	1.613	105			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK14 - CTK3 - P10	CREW: Hoi - MTHAO - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG QUỐC HUY	BK14	45	1	15	75	78	CODIEN	Vietnamese
2	DUONG HUU THUAN	BK14	48	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
3	LE QUANG HUY	CTK3	05-07	3	18		70	NHATHAU	Vietnamese
4	TRAN XUAN PHUC	CTK3				13	70	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	01	1	4	12	85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DAN QUE	CTK3	02	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG DINH QUE	P10	07-08	2	13	10	85	KH-THAC	Vietnamese
8	BADIKOV M.F.	P10	10	1	5		70	KH-THAC	Russian
9	VU NGUYEN TRUNG	P10					48	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN THANG	P10	09	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC KHANH	P10	05	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN HUONG	P10	15-16	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU BAO TRUNG	P10	17	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HAI HA	P10	11-12	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DANG HOANG	P10	06	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG SY NGUYEN	P10	03	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P10	18	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH XUAN QUAN	P10	01	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHANH TOAN	P10	14	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HUAN	P10	02	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN MANH HUNG	P10	04	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	2	2	22	146	75	0		
2	CTK3	4	5	30	301	25	6		
3	P10	16	17	94	1.153	10	16		
TOTAL		22	24	146	1.600	110	22		
WEIGHT KG				146	1.600	110			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: TTC1 - P2	CREW: VThắng - Mạnh - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHANH	TTC1	17	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH LỢI	TTC1	18	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	TTC1	19	1	9		93	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUY	TTC1	20	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN NGHI	TTC1	21	1	5	80	65	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CHÍ CÔNG	TTC1	99	1	10	20	55	KH-THAC	Vietnamese
7	N. QUỐC TRÍ	TTC1	47	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG DUC THUAN	TTC1	09-10	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG MINH QUÂN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	THAN HỮU TRƯỞNG	P2	01-02	2	7		75	CODIEN	Vietnamese
14	ĐO VĂN THANH	P2	03	1	11	80	82	KHI	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC HOANG	P2	04	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐỨC	P2					70	T-TIN	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC THUẬN	P2	14	1	8		77	PSV	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	08	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	ĐO ĐẠI DƯƠNG	P2	09	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DUY	P2	05	1	4		57	PSV	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC NINH	P2	07	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	8	9	77	563	100	0		
2	P2	13	10	54	905	80	20		
TOTAL		21	19	131	1.468	180	20		
WEIGHT KG				131	1.468	180			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	TO: P9 - BK3 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - XTrưởng - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA THANH	P9	50	1	5	40	73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THANH QUANG	P9	46	1	7		75	VIỆT PHÁT	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P9	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	51	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THE DUNG	P9	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P9	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LĂNG TÚ	P9	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	44	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NAM GIANG	P9	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	43	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	45	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÀ KHA	P9	40-41	2	13		88	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THE NHAN	P9	56-57	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	58-59	2	21		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUY	P9	54-55	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI HAI HA	BK3	05-06	2	7	40	70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VINH	BK3	10	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI TRẦN VIỆT	BK3	12-13	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO TUÂN VIỆT	BK3	11	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	08-09	2	18		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	16	20	120	1.144	40	9		
2	BK3	5	8	50	338	40	4		
3	P1	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		21	28	170	1.482	80	22		
WEIGHT KG				170	1.482	80			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: TD1 - CLO - P7	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI VĂN HỘI	TD1	11	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
2	VU ĐỨC TOÀN	TD1	12	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD1	13	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN DUY	TD1	18	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					53	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VĂN NINH	TD1	05	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
8	MAI XUÂN TÙNG	TD1	15	1	5	20	81	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	14	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD1	06	1	15		61	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	04	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGO DUY NGOC	TD1	10	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DỪNG	TD1	16-17	2	11		88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD1					106	KH-THAC	Vietnamese
15	VU ANH TUẤN	TD1	07	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUANG TRUNG	TD1	01	1	8		80	DVL	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TƯỢNG	TD1	03	1	9		81	DVL	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HÙNG	TD1				25	70	DVL	Vietnamese
19	TRINH QUỐC KHANH	TD1	02	1	8		105	DIEUHAN	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN QUANG	CLO	18	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH TIẾN	CLO	19	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THUẬN	CLO	20-21	2	12		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	16	125	1.432	45	10		
2	CLO	3	4	32	239	0	6		
3	P7	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	20	157	1.671	45	20		
WEIGHT KG				157	1.671	45			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: P5 - BK5 - BK4	CREW: Hồi - MTHAO - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH DAC MINH	P5	30	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TAP TOAN	P5	29	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
3	LE QUANG BINH	P5	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HUU TINH	P5	31	1	5	10	70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN SY	P5	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TRUNG KIEN	P5					82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH NAM	P5	70-71	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LONG	P5	72	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRINH ĐỨC HẠNH	BK5	81-83	3	20		68	GLOCOM	Vietnamese
10	TRẦN VĂN DANH	BK5	84-85	2	10	20	71	GLOCOM	Vietnamese
11	BUI QUANG DUY	BK5	59	1	7	52	69	GLOCOM	Vietnamese
12	KURPASOV V.A.	BK4	20	1	11		70	KH-THAC	Russian
13	TÔNG TRUNG HUY	BK4	18	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC BA	BK4	15	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK4	16	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THÈ	BK4	28	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC PHONG	BK4	19	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI XUAN NGOC	BK4	22-23	2	18	40	63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÀ	BK4	24-25	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
20	VU THAI ANH	BK4	26	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
21	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	17	1	4		68	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG KHANH	BK4	21	1	6		85	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	8	8	54	561	10	6		
2	BK5	3	6	37	208	72	0		
3	BK4	11	13	112	778	40	16		
TOTAL		22	27	203	1.547	122	22		
WEIGHT KG				203	1.547	122			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: HSD - BK15 - P9	CREW: VThắng - NPhú - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THOA	HSD	78	1	9		74	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG ĐỨC	HSD	79-80	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
3	VOEVODCHENKOV	BK15	53-54	2	7	40	98	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN HOANG KHA	BK15	48	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
5	LUU TIEN THANH	BK15	50	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG HOANG	BK15	52	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	49	1	11		78	PSV	Vietnamese
8	LE VAN TUNG	BK15	51	1	5		58	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN MINH HIEN	P9	77	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU TRI	P9	82	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	81	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI CÔNG THẮNG	P9	83	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH HUY KIỆM	P9	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	80	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	19	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HUÀ SẦY	P9	84	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUÝ TÂN	P9	17-18	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THƯA THAI	P9	72	1	9	57	62	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỦ	P9	71	1	6		52	CODIEN	Vietnamese
21	ĐỖ ĐỨC ANH	P9	70	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
22	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	P9	78,79	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	2	3	21	139	0	0		
2	BK15	6	7	49	440	40	6		
3	P9	14	16	96	947	57	16		
TOTAL		22	26	166	1.526	97	22		
WEIGHT KG				166	1.526	97			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 14:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ MẠNH THĂNG	TD2	40	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2	38	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC DŨNG	TD2	39	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO THẾ VŨ	TD2	300	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ THANH HÙNG	TD2	47	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÂM	TD2	52-53	2	12		70	DVL	Vietnamese
8	HỒ NGỌC HAI	TD2	700	1	2		80	DVL	Vietnamese
9	LÊ VIỆT HIỆU	TD2	54	1	7	40	69	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	41	1	12		73	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC PHONG	TD2	42	1	10		63	DVL	Vietnamese
12	LÊ DUY LAN	TD2	44	1	9		64	DVL	Vietnamese
13	ĐỖ ANH NAM	TD2	45	1	10		75	DVL	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	43	1	3		69	GETRACO	Vietnamese
15	BUI HUU TRI	TD2	46	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
16	ĐINH QUANG HAI	TD2	48	1	5		68	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG SƠN	TD2	49	1	8		60	GETRACO	Vietnamese
18	TRƯỜNG BA KHỎE	TD2	51	1	5		70	DUNG QU	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HẠNH	TD2	50,57	2	7		83	DUNG QU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	20	117	1.309	40	19		
	TOTAL	19	20	117	1.309	40	19		
	WEIGHT KG			117	1.309	40			

GRAND TOAL: 1.466 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	TO: P9 - PVD2	CREW: QViệt - CHIẾN - THỤ	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC TÂM	P9	79	1	9		87	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THẮNG	P9	87-88	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG DUY DŨNG	P9	73-74	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TOÀN	P9	80	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC TUẤN	P9	95-96	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TIẾN	P9	86	1	14	10	67	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ TRỌNG HỒE	P9	75-76	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ VĂN DUẬN	P9	84-85	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
9	LUONG VAN THUC	P9	78	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC TÍNH	P9	81-82	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC ĐĂNG	P9	91-92	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH HÙNG	P9	83	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P9	99,200	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ MẠNH THẮNG	P9	93-94	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ ĐỨC HIỆN	P9	64-65	2	17		51	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	90	1	18		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	63	1	5		69	PSV	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN THỤ	P9	89	1	3		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI TRUNG	P9	66	1	5		62	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TUYẾT	P9	62	1	5		53	PSV	Vietnamese
21	VŨ TIẾN DŨNG	P9	77	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	TRIỆU TÂN CÔNG SƠN	P9	98	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	32	262	1.456	10	17		
2	PVD2	0	0	0	0	9	3		
TOTAL		22	32	262	1.456	19	20		
WEIGHT KG				262	1.456	19			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	TO: P10 - BK6 - TTC2	CREW: HÙNG - Dương - QTrưởng	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC ANH	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	28	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	45	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	27	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN BAO TOÀN	P10	44	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU TRI	P10					67	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH CÔNG VĂN	P10	41	1	4	50	74	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI ĐỨC HẠU	P10	37	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC QUAN	P10	36	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	47	1	5		65	YTE	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT LY	P10	42	1	4		75	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MINH	P10	26	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	LÊ VIỆT KHANG	P10	29	1	3		67	PSV	Vietnamese
15	ĐẠO VĂN DUNG	P10	43	1	3		69	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN SƠN	P10	32	1	5		65	NAM TIEN	Vietnamese
17	VÕ THANH CHUNG	P10	34	1	3		61	NAM TIEN	Vietnamese
18	LÊ VĂN LANH	P10	31	1	4		52	NAM TIEN	Vietnamese
19	LÊ QUANG PHÚC	P10	35	1	4		59	NAM TIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỰC	P10	33	1	4		64	NAM TIEN	Vietnamese
21	VÕ HOÀNG QUÂN	P10	30	1	4		72	NAM TIEN	Vietnamese
22	HOANG MINH THUẬN	P10	46	1	4		67	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	19	94	1.511	50	10		
2	BK6	0	0	0	0	40	9		
3	TTC2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	19	94	1.511	90	22		
WEIGHT KG				94	1.511	90			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	TO: BK10 - VSP01 - RP2	CREW: VThắng - NPhú - MQUÂN	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SÁCH ĐÓN	BK10	47	1	16	45	60	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VĂN CẢNH	BK10	45	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN TÂM	BK10	44	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU LONG	BK10	46	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH PHONG	BK10	48-49	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	54	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	53	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CHAU NAM	BK10	52	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	50-51	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI CAO ĐỊNH	BK10	43	1	4		62	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÙNG	VSP01	01	1	11		73	SHINTRAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	VSP01	03	1	7		67	SHINTRAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CẢNH CHUNG	VSP01	02	1	7	27	59	SHINTRAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP01	04	1	6	63	63	SHINTRAC	Vietnamese
15	BUI VĂN THẮNG	VSP01	07	1	9		65	TRƯỜNG	Vietnamese
16	HOANG THANH PHÚC	VSP01	09	1	12		65	TRƯỜNG	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRUNG	VSP01	08	1	7		72	TRƯỜNG	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	VSP01	05-06	2	16		64	TRƯỜNG	Vietnamese
19	ĐỖ CÔNG MINH	RP2	72	1	8		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	10	12	92	671	45	6		
2	VSP01	8	9	75	528	90	9		
3	RP2	1	1	8	67	0	3		
TOTAL		19	22	175	1.266	135	18		
WEIGHT KG				175	1.266	135			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN